

Bản án số: 17/2018/DS-ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2018
V/v: Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Hùng Cường
ông Trần Trực

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Ái Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2017/TLST-DS ngày 05/12/2017 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-DS ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị A - sinh năm 1947
Trú tại: 27/1 Yết Kiêu - phường V - tp. NT - Khánh Hòa; Có mặt.
2. *Bị đơn:* bà Bùi Thị B - sinh năm 1963
Trú tại: TDP Đông Môn 1 - thị trấn DK - DK - Khánh Hòa; Vắng mặt.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Trung T - 1964
Trú tại: TDP Đông Môn 1 - thị trấn DK - DK - Khánh Hòa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2017, biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: ngày 18/8/2010, bà có cho bà Bùi Thị B vay 30.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 02%/tháng. Sau đó đến ngày 18/9/2010, bà lại tiếp tục cho bà B vay 30 lượng vàng 99,99%, thời hạn vay 01 tháng. Khi viết giấy vay tiền, bà B tự ý ghi tên hai vợ chồng là Bùi Thị B và Nguyễn Trung T nhưng thực tế chỉ có một mình bà B vay tiền, vàng. Năm 2012, bà nhiều lần yêu cầu bà B, ông T trả nợ nhưng vợ chồng B + T đều hứa hẹn và có nói mỗi tháng sẽ trả cho bà 01 chỉ vàng 99,99% nhưng họ vẫn chưa trả cho bà. Sau đó vì lý do sức khỏe nên bà đã không thể đến nhà để gặp vợ chồng B + T đòi nợ. Nay

bà yêu cầu bà B và ông T phải trả lại cho bà 30.000.000đ, không yêu cầu tính lãi và 30 cây vàng 99,99%.

Biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2018, bị đơn Bùi Thị B trình bày: tháng 3/2008, bà có vay của bà Nguyễn Thị A số tiền 8.000.000đ và trả lãi hàng tháng là 800.000đ và trả lãi được 06 tháng. Đến năm 2010, bà lại tiếp tục vay của bà A 6.000.000đ và trả lãi hàng tháng nhiều lần khoảng 3.000.000đ. Năm 2012, do bị bệnh nặng nên bà không có khả năng trả gốc và lãi cho bà A. Khi vay tiền, giữa bà và bà A có lập giấy viết tay là loại giấy của cuốn sổ nhỏ. Việc vay tiền này chồng bà là ông Nguyễn Trung T không hề hay biết và cũng không hề ký vào bất kỳ giấy tờ gì. Giấy vay tiền 30.000.000đ và 30 lượng vàng 99,99% mà bà A cung cấp cho Tòa là không đúng sự thật. Bà đồng ý trả 14.000.000đ cho bà A nhưng hiện nay do bệnh nặng nên bà chưa có tiền để trả.

Bản tự khai ngày 09/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T trình bày: ông không biết gì về việc vay mượn giữa bà Nguyễn Thị A với vợ ông là bà Bùi Thị B. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của bà B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà A yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị B phải trả cho bà 30.000.000đ và 30 lượng vàng 99,99%. Bị đơn bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: dựa vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có thể xác định việc bà B vay tiền, vàng của bà A là có thật và đến nay chưa trả số tiền, vàng đã mượn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà B phải trả cho bà A số tiền 30.000.000đ và 30 cây vàng 99,99%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà B, ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bà B, ông T.

[2] Về nội dung: bà A cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền ngày 18/8/2010 và giấy xác nhận nợ ngày 18/9/2010 có chữ viết và chữ ký của bà Bùi Thị B. Bà B và ông T không thừa nhận việc này. Do đó, ngày 09/8/2018, Tòa án nhân dân huyện DK đã gửi hồ sơ giám định chữ ký, chữ viết của bà B theo yêu cầu của bà A dựa trên “giấy vay tiền” ngày 18/8/2010, “giấy xác nhận nợ” ngày 18/9/2010 do bà A cung cấp và mẫu chữ ký, chữ viết của bà B có tại hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 33/2011/TLST-DS ngày 04/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện DK. Ngày 09/9/2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa đã có kết luận giám

định số 388/GĐTP/2018 xác định “chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thị B” dưới mục “Bên vay tiền” trên “GIẤY VAY TIỀN”, đề ngày 18/8/2010 và “GIẤY XÁC NHẬN NỢ”, đề ngày 18/9/2010 so với chữ ký mang tên Bùi Thị B, chữ viết họ tên “Bùi Thị B” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người viết ký, viết ra”. Điều này chứng tỏ chữ ký, chữ viết họ tên trên giấy vay tiền ngày 18/8/2010 và giấy xác nhận nợ ngày 18/9/2010 là của bà B, việc bà B nợ bà A 30.000.000đ và 30 cây vàng 99,99% là có thật, bà B không chứng minh được là bà đã trả hết cho bà A nên bà Hòa phải có nghĩa vụ trả khoản tiền, vàng này cho bà A. Vì vậy yêu cầu của bà A là có cơ sở, cần được chấp nhận, buộc bà B trả lại số tiền, vàng nói trên.

[3] Về chi phí tố tụng: bà B phải hoàn trả cho bà A chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.000.000đ.

[4] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A nên bà B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000đ + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000đ. Giá vàng 99,99% đến thời điểm xét xử (ngày 25/10/2018) là 3.660.000đ/chỉ. Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 105 và 166 của Bộ luật dân sự 2015; điểm a, b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Buộc bà Bùi Thị B trả cho bà Nguyễn Thị A 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 30 (Ba mươi) cây vàng 99,99%.

Chi phí tố tụng: bà Bùi Thị B hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Quy định chung: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: bà Bùi Thị B nộp 45.840.000đ (Bốn mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A 22.890.000đ (Hai mươi hai triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018510 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Mai Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.